

*
Số 12 -NQ/HU

NGHỊ QUYẾT

**Về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng
công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo
trên địa bàn huyện Đam Rông**

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2008-2018

1. Kết quả đạt được

Sau hơn 10 năm lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/HU, ngày 16/4/2008 của Huyện ủy (khóa I) “*Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đến năm 2010 và những năm tiếp theo*”, ngành nông nghiệp của huyện đã có bước phát triển cả về quy mô và chất lượng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2018 đạt 15,2%/năm; diện tích gieo trồng tăng gấp 1,7 lần, đàn gia súc gấp 1,5 lần, giá trị sản xuất gấp 3,7 lần so với năm 2008; đã hình thành một số vùng sản xuất nông sản tập trung, các vườn hộ, mô hình cho năng suất, chất lượng, thu nhập cao; đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 6,2 lần so với năm 2008.

Trình độ canh tác của nông hộ đã có bước phát triển đáng kể; kết cấu hạ tầng nông nghiệp được quan tâm đầu tư, tín dụng phục vụ sản xuất được đảm bảo tốt; công tác khuyến nông, hỗ trợ sản xuất được tăng cường, tạo động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao bắt đầu xuất hiện tại một số địa phương, như: Xã Đạ K’Nàng, Phi Liêng, Đạ Rsal, Rô Men ... bước đầu đạt kết quả tốt; các mô hình sản xuất rau, quả cho năng suất, chất lượng và hiệu quả vượt trội so với canh tác truyền thống; đến nay, đã phát triển được 15 ha nhà kính, nhà lưới ứng dụng công nghệ cao, xây dựng được 01 chuỗi giá trị rau, củ, quả.

2. Khó khăn, hạn chế

Sản xuất nông nghiệp của địa phương chưa thật sự bền vững, còn nhỏ lẻ, manh mún; trình độ và tư duy canh tác của nhiều nông hộ vẫn còn giản đơn, lạc hậu. Tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ trong cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ thấp, mới đạt trên 10%; kinh tế hợp tác xã phát triển chậm, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu nông sản còn chậm và gặp rất nhiều khó khăn; ứng dụng khoa học-công nghệ trong sản xuất chưa nhiều và chưa đồng đều giữa các vùng, lĩnh

vực sản xuất; năng suất của các cây trồng chủ lực và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác còn thấp, chỉ bằng $\frac{1}{2}$ giá trị trung bình của cả tỉnh; đời sống một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao 19,22%.

Hiện nay, nông sản của tỉnh Lâm Đồng nói chung và của huyện Đam Rông nói riêng đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt về giá, an toàn chất lượng sản phẩm... đối với sản phẩm nông nghiệp cùng loại của các địa phương khác.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG, TỪNG BƯỚC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xác định sản xuất nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực để đưa huyện thoát nghèo trong thời gian tới; từng bước ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất phù hợp với điều kiện, trình độ canh tác của nông hộ, nhằm phát huy lợi thế so sánh, tiềm năng của từng tiểu vùng, gắn với thực hiện tốt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và chất lượng sản phẩm; xây dựng và phát triển chuỗi giá trị; xác lập thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp chủ lực; xây dựng và phát triển nền nông nghiệp của huyện theo hướng sản xuất hàng hóa toàn diện, bền vững; từng bước tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho nông dân; đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người đạt trên 50 triệu đồng/người/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5%.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nông nghiệp đạt từ 9-10%/năm; cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm, thủy sản 46-48%; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 75-76%, chăn nuôi 20-21%, dịch vụ 4-5%.

b) Duy trì diện tích gieo trồng 19.000 ha; giá trị sản xuất bình quân đạt trên 170 triệu đồng/ha; sản phẩm nông nghiệp đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát huy lợi thế, tiềm năng của từng tiểu vùng trong sản xuất; phấn đấu đến năm 2025 có từ 8-10% diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao, giá trị sản xuất đạt trên 230 triệu đồng/ha.

c) Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân trên 7%/năm; riêng đàn bò đạt trên 10.000 con, trong đó bò lai Sind và bò thịt cao sản đạt 70%. Rà soát quy hoạch diện tích nuôi cá nước lạnh, đạt 50ha.

d) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, trong đó có 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được bảo đảm tưới tiêu; đường giao thông đến khu sản xuất tập trung, xe cơ giới đi lại thuận tiện quanh năm.

- đ) Phân đầu mỗi xã có ít nhất 01 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả.
e) Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 65 %.

1.3. Định hướng phát triển nông nghiệp các tiểu vùng

a) Tiểu vùng 1: Xã Phi Liêng và Đạ K'nàng, chuyển đổi và thâm canh cây cà phê ổn định diện tích 3.500 ha, năng suất trung bình trên 4,5 tấn/ha; phát triển diện tích trồng rau, hoa thương phẩm 700 ha ứng dụng công nghệ cao, diện tích trồng mắc ca xen trong vườn cà phê trên 1.000 ha, chuối la ba trên 300 ha, diện tích dâu tằm 200 ha và chăn nuôi bò thịt cao sản. Phân đầu diện tích ứng dụng công nghệ cao từ 1.000-1.200 ha.

b) Tiểu vùng 2: Xã Đạ Rsal, Rô Men và Liêng Srôngh, thâm canh ổn định diện tích cà phê 4.000 ha, năng suất trên 4 tấn/ha; phát triển trồng cây ăn trái (*sầu riêng, bơ, bưởi da xanh*) xen vườn cà phê diện tích trên 1.500 ha, diện tích dâu tằm 300 ha, thủy sản (*nuôi cá nước lạnh đạt 20 ha*). Diện tích ứng dụng công nghệ cao đạt 500-700 ha.

c) Tiểu vùng 3: Xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long, thâm canh diện tích lúa 840 ha (*xây dựng trên 150 ha sản xuất lúa chất lượng cao*), năng suất trung bình phân đầu đạt trên 60 tạ/ha; phát triển diện tích trồng dâu tằm trên 300 ha (*trong đó diện tích trồng dâu nuôi tằm ứng dụng công nghệ cao đạt 50-60 ha*), ổn định diện tích cà phê 1.000 ha, năng suất trên 2,5 tấn/ha; phát triển đàn gia súc (*bò lai sind, heo đen*), thủy sản (*nuôi cá nước lạnh đạt 30 ha*).

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, từng bước nâng cao nhận thức và trình độ canh tác nông nghiệp của người nông dân địa phương

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, gắn với thực hiện tốt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, thói quen trong canh tác thông qua các mô hình sản xuất hiệu quả hiện có trên địa bàn hoặc mô hình dân vận khéo..., tạo sự lôi cuốn, kích thích, hình thành các phong trào trong nhân dân thi đua tích cực lao động sản xuất, tiết kiệm trong sinh hoạt, sớm vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Đề cao vai trò chủ thể của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập và phát triển kinh tế hộ gia đình; thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin, nhu cầu tiêu thụ nông sản cho người nông dân.

2.2. Thực hiện tốt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp

a) Trồng trọt:

- Ổn định diện tích cà phê trên địa bàn huyện khoảng 8.500 ha. Rà soát, đẩy mạnh tái canh thay thế diện tích cây cà phê già cỗi, năng suất thấp (*phần đầu năng suất đạt trên 4,0 tấn/ha*) và trồng xen cây ăn quả trong vườn cà phê như: Mắc ca (*tiểu vùng Phi Liêng, Đạ K'Nàng*); sầu riêng, bơ, bưởi da xanh (*tiểu vùng Đạ Rsal, Rô Men, Liêng Srônh*).

- Tăng cường hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật và ứng dụng cơ giới hóa để thâm canh diện tích lúa nước (*tiểu vùng Đạ Tông, Đạ M'Rông, Đạ Long*).

- Rà soát, tái canh thay thế diện tích cây điều già cỗi, năng suất thấp và nhân rộng mô hình trồng cây ca cao, cây dược liệu dưới tán điều, diện tích khoảng 200ha.

- Rà soát quy hoạch diện tích trồng cây dược liệu (*đương quy, đẳng sâm,...*) phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, diện tích trên 100 ha.

b) Chăn nuôi, thủy sản:

- Gắn kết chăn nuôi với trồng trọt, xây dựng, phát triển đồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- Đẩy nhanh tiến độ cải tạo tầm vóc đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo và giao phối trực tiếp từ giống bò đực Sind, Zebu với bò cái giống địa phương. Trong đó, tập trung phát triển vùng chăn nuôi bò 3 xã Đầm Ròn và chăn nuôi bò thịt cao sản ở Phi Liêng và Đạ K'Nàng gắn với phát triển đồng cỏ, nhằm tạo bảo đảm nguồn thức ăn cho đàn bò.

- Phát triển đàn heo đen và đàn gia cầm theo hướng chăn nuôi trang trại (*loại giống đặc sản của địa phương*); hình thành các tổ hợp tác, liên kết trong chăn nuôi, sản xuất theo hướng hàng hóa và xây dựng, tạo thành chuỗi giá trị.

- Tận dụng diện tích mặt nước ao, hồ để nuôi trồng thủy sản. Nhân rộng, phát triển mô hình nuôi cá nước lạnh thương phẩm tại khu vực xã Rô Men, Liêng Srônh.

c) Về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh và nguồn lực của địa phương tập trung đầu tư đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao đối với các sản phẩm địa phương có điều kiện như: Cà phê, rau, cây ăn trái, cây dược liệu, chăn nuôi, nuôi cá nước lạnh...; tiếp cận, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất một cách đồng bộ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục hình thành, mở rộng mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng cho những vùng sản xuất cây trồng, vật nuôi ứng dụng công nghệ cao, theo hướng: xây dựng hệ thống thủy lợi đảm bảo cung cấp nước sạch, hệ thống giao thông nội đồng, hệ thống dịch vụ...; đồng thời, tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ, ưu đãi trong thời gian đầu cho các hộ nông dân phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

2.3. Tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng, gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp

- Lãnh đạo thực hiện tốt hơn các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp; tăng cường quản lý bảo vệ rừng theo hướng bền vững, làm giàu rừng; duy trì, nâng cao độ che phủ rừng trên địa bàn theo kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo xây dựng đề án, kế hoạch quản lý bền vững, phục hồi tài nguyên rừng, phát triển các mô hình sản xuất lâm - nông nghiệp kết hợp, hoặc nông - lâm kết hợp; đồng thời, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện tốt đề án, kế hoạch này.

- Rà soát diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm đang canh tác, sản xuất nông nghiệp (*trồng cà phê, ...trên 3 năm*) để xây dựng kế hoạch, vận động trồng xen cây lâm nghiệp, như: mắc ca, sao đen, muồng đen..., nhằm duy trì, nâng cao độ che phủ và phát triển kinh tế rừng.

- Thu hút và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, nhất là nông hộ trên địa bàn đầu tư phát triển kinh tế rừng; hình thành, phát triển các cơ sở chế biến lâm sản, dịch vụ.

2.4. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về nông nghiệp; phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển

- Ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp; rà soát, bổ sung quy hoạch sản xuất, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn sản xuất và phát huy tiềm năng của từng tiểu vùng. Quy hoạch, triển khai thực hiện các khu chăn nuôi tập trung, quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo từng tiểu vùng, với các sản phẩm chủ lực: cà phê, rau hoa, cây ăn quả, cây dược liệu...; nhân rộng, phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao hiện đang phát huy hiệu quả.

- Thực hiện tốt quản lý Nhà nước về quy hoạch sản xuất nông nghiệp, nguồn nước, chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách thân thiện, trách nhiệm.

- Chủ động, đổi mới hoạt động công tác khuyến nông để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng liên kết hợp tác sản

xuất, gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ khuyến nông từ huyện đến cơ sở.

2.5. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, đẩy mạnh liên doanh, liên kết; khuyến khích tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân đầu tư vào nông nghiệp

- Xác định doanh nghiệp, hợp tác xã là lực lượng nòng cốt trong xây dựng mô hình, chuyển giao công nghệ, thu mua và tiêu thụ nông sản. Thực hiện tốt các chủ trương, cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ và của tỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là các lĩnh vực: Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; chuyển giao khoa học kỹ thuật, sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp; thu mua, bảo quản, phân loại, đóng gói, nhãn hiệu, phân phối sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên lồng ghép tốt các nguồn vốn đầu tư, thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp khi đầu tư trên địa bàn huyện.

- Nghiên cứu, vận dụng tốt các cơ chế, chính sách về ưu tiên, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (về đất đai, tài chính, tín dụng, khoa học, công nghệ, thị trường, đào tạo, nguồn nhân lực...). Vận động các nông hộ tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp và đầu mối tiêu thụ sản phẩm, sản xuất đồng nhất các loại sản phẩm; xây dựng, mở rộng liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp để hình thành chuỗi giá trị nông sản, tăng thu nhập cho nông hộ.

- Lồng ghép tốt các nguồn vốn đầu tư hàng năm kết hợp với chính sách ưu đãi tín dụng để tạo điều kiện, thúc đẩy nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững.

- Gắn phát triển nông nghiệp với chế biến các mặt hàng nông sản; liên kết hợp tác với các doanh nghiệp để xây dựng vùng sản xuất tập trung, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm chăn nuôi; đa dạng hóa ngành nghề, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu hợp lý trong nông nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết này, trong đó phải xác định rõ từng giai đoạn, lộ trình và các nhiệm vụ cụ thể; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy để theo dõi, chỉ đạo.

2. Các Ban đảng và các tổ chức chính trị xã hội huyện, các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với đơn vị địa phương; định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của huyện tích cực tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân để triển khai thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ, cán bộ, đảng viên và tuyên truyền sâu rộng tới nhân dân trên địa bàn huyện.

(Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16-NQ/HU, ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Huyện ủy)

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh,
- Thường trực HĐND, UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Đảng ủy, UBND các xã,
- Các Chi bộ, Đảng bộ trực thuộc,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể huyện,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.



**T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Trần Minh Thúc